

LỊCH THI CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2020 - 2021_THAY ĐỔI LẦN 3**Thời gian thi: từ ngày 16/08/2021 đến ngày 05/09/2021****KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM****ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC DỰ THI CỦA SINH VIÊN :**

- Sinh viên phải đóng học phí đúng theo quy định của nhà trường.
- Sinh viên không có tên trong danh sách cầm thi.
- Sinh viên phải có mặt tại phòng thi trước giờ thi 15 phút để hoàn tất thủ tục dự thi cuối học kỳ.
- Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên hoặc giấy tờ tùy thân có dán ảnh trong phòng thi.
- Sinh viên không được sử dụng điện thoại di động và các thiết bị truyền tin trong ca thi.
- Trong suốt thời gian có mặt trong phòng thi, sinh viên đeo khẩu trang và giữ khoảng cách với người khác để phòng dịch.

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
60	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D17_TP03	1	Hai	16/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
63	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D16_TP02	2	Hai	16/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
64	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D16_TP03	1	Hai	16/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
65	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D16_TP05	2	Hai	16/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
66	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D16_TP06	1	Hai	16/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
70	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D15_TP05	1	Hai	16/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
77	TPCHTC309	MHCNTC 3: Công nghệ chế biến đồ hộp và thủy sản	D16_TP04	1	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C704	DH_NKH_HL
78	FT03009	Phụ gia thực phẩm	D15_TP02	1	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C704	DH_NKH_HL
192	GS19004	Tiếng Anh 4	D19_TP01	29	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C412	DH_HK4_L1
193	GS19004	Tiếng Anh 4	D19_TP02	23	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C414	DH_HK4_L1
222	GS19004	Tiếng Anh 4	D16_TP03	1	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C706	DH_HK4_HL
223	GS19004	Tiếng Anh 4	D16_TP05	3	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C706	DH_HK4_HL
227	GS19004	Tiếng Anh 4	D15_TP01	1	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C706	DH_HK4_HL
313	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TP01	20	Tư	18/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK2_L1
314	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TP02	27	Tư	18/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
322	GS19002	Tiếng Anh 2	D19_TP01	4	Tư	18/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_HL
323	GS19002	Tiếng Anh 2	D19_TP02	1	Tư	18/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_HL
327	GS19002	Tiếng Anh 2	D16_TP03	1	Tư	18/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_HL
328	GS19002	Tiếng Anh 2	D16_TP05	1	Tư	18/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_HL
433	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D19_TP01	29	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C708	DH_HK4_L1
434	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D19_TP02	24	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C501	DH_HK4_L1
454	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D13_TP02	1	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C501	DH_HK4_HL
481	FT09018	Công nghệ bao gói	D18_TP01	23	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C408	DH_HK6_L1
482	FT09018	Công nghệ bao gói	D18_TP02	23	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C410	DH_HK6_L1
483	FT09018	Công nghệ bao gói	D18_TP03	25	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C412	DH_HK6_L1
484	FT09018	Công nghệ bao gói	D18_TP04	22	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C414	DH_HK6_L1
485	FT09018	Công nghệ bao gói	D17_TP01	3	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C414	DH_HK6_HL
486	FT09018	Công nghệ bao gói	D17_TP02	2	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C414	DH_HK6_HL
487	FT09018	Công nghệ bao gói	D17_TP03	4	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C414	DH_HK6_HL
488	FT09018	Công nghệ bao gói	D16_TP01	1	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C414	DH_HK6_HL
489	FT09018	Công nghệ bao gói	D16_TP02	1	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C414	DH_HK6_HL
490	FT09018	Công nghệ bao gói	D16_TP05	1	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C414	DH_HK6_HL
491	FT09018	Công nghệ bao gói	D16_TP06	1	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C414	DH_HK6_HL
590	FT03006	Hóa lý	D20_TP01	20	Sáu	20/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_L1
591	FT03006	Hóa lý	D20_TP02	27	Sáu	20/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK2_L1
592	FT03006	Hóa lý	D19_TP01	1	Sáu	20/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_HL
593	FT03006	Hóa lý	D19_TP02	1	Sáu	20/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_HL
594	FT03006	Hóa lý	D18_TP01	1	Sáu	20/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_HL
595	FT03006	Hóa lý	D18_TP02	3	Sáu	20/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_HL
596	FT03006	Hóa lý	D18_TP04	3	Sáu	20/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_HL
597	FT03006	Hóa lý	D17_TP01	1	Sáu	20/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_HL
598	FT03006	Hóa lý	D16_TP02	2	Sáu	20/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_HL
599	FT03006	Hóa lý	D13_TP02	1	Sáu	20/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_HL
712	FT09006	Dinh dưỡng	D19_TP01	29	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C410	DH_HK4_L1
713	FT09006	Dinh dưỡng	D19_TP02	23	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C412	DH_HK4_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
714	FT09006	Dinh dưỡng	D17_TP01	3	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C412	DH_HK4_HL
715	FT09006	Dinh dưỡng	D16_TP05	1	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C412	DH_HK4_HL
716	FT09006	Dinh dưỡng	D13_TP02	1	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C412	DH_HK4_HL
728	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D18_TP01	23	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK6_L1
729	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D18_TP02	23	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK6_L1
730	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D18_TP03	25	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
731	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D18_TP04	22	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_L1
732	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	L20_TP01	1	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_L1
733	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D17_TP01	4	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK6_HL
734	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D17_TP02	12	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK6_HL
735	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D17_TP03	8	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK6_HL
736	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D17_TP04	8	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK6_HL
737	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D16_TP01	8	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_HL
738	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D16_TP02	7	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_HL
739	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D16_TP03	1	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_HL
740	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D16_TP04	2	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_HL
741	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D16_TP05	6	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_HL
742	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D16_TP06	3	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_HL
743	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D15_TP01	1	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_HL
744	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	D13_TP02	1	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_HL
745	FT03011	Công nghệ sinh học thực phẩm	L19_TP01	1	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_HL
845	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TP01	20	Hai	23/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK2_L1
846	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TP02	27	Hai	23/08/2021	07 giờ 30	C605	DH_HK2_L1
852	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D17_TP01	1	Hai	23/08/2021	07 giờ 30	C605	DH_HK2_HL
853	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D17_TP04	1	Hai	23/08/2021	07 giờ 30	C605	DH_HK2_HL
856	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D16_TP06	2	Hai	23/08/2021	07 giờ 30	C605	DH_HK2_HL
865	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TP01	20	Hai	23/08/2021	09 giờ 30	C701	DH_HK2_L1
866	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TP02	27	Hai	23/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK2_L1
873	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D17_TP01	1	Hai	23/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK2_HL
874	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D17_TP04	1	Hai	23/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK2_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
877	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D16_TP06	2	Hai	23/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK2_HL
1008	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	D19_TP01	29	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C806	DH_HK4_L1
1009	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	D19_TP02	24	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C808	DH_HK4_L1
1010	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	L20_TP01	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C806	DH_HK4_L1
1011	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	D18_TP01	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C808	DH_HK4_HL
1012	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	D18_TP02	6	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C808	DH_HK4_HL
1013	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	D18_TP03	3	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C808	DH_HK4_HL
1014	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	D18_TP04	2	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C808	DH_HK4_HL
1015	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	D17_TP02	4	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C808	DH_HK4_HL
1016	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	D17_TP03	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C808	DH_HK4_HL
1017	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	D17_TP04	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C808	DH_HK4_HL
1018	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	D16_TP01	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C806	DH_HK4_HL
1019	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	D16_TP02	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C806	DH_HK4_HL
1020	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	D16_TP03	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C806	DH_HK4_HL
1021	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	D16_TP04	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C806	DH_HK4_HL
1022	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	D16_TP05	2	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C806	DH_HK4_HL
1023	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	D16_TP06	5	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C806	DH_HK4_HL
1024	FT09012	Đánh giá cảm quan	D18_TP01	23	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C606	DH_HK6_L1
1025	FT09012	Đánh giá cảm quan	D18_TP02	23	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C606	DH_HK6_L1
1026	FT09012	Đánh giá cảm quan	D18_TP03	25	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C608	DH_HK6_L1
1027	FT09012	Đánh giá cảm quan	D18_TP04	22	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C608	DH_HK6_L1
1028	FT09012	Đánh giá cảm quan	D17_TP01	4	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C512	DH_HK6_HL
1029	FT09012	Đánh giá cảm quan	D17_TP02	10	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C512	DH_HK6_HL
1030	FT09012	Đánh giá cảm quan	D17_TP03	4	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C512	DH_HK6_HL
1031	FT09012	Đánh giá cảm quan	D17_TP04	2	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C512	DH_HK6_HL
1032	FT09012	Đánh giá cảm quan	D16_TP01	2	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C512	DH_HK6_HL
1033	FT09012	Đánh giá cảm quan	D16_TP02	3	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C512	DH_HK6_HL
1034	FT09012	Đánh giá cảm quan	D16_TP03	4	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C512	DH_HK6_HL
1035	FT09012	Đánh giá cảm quan	D16_TP06	1	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C512	DH_HK6_HL
1036	FT09012	Đánh giá cảm quan	D15_TP02	1	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C512	DH_HK6_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
1037	FT09012	Đánh giá cảm quan	D13_TP02	1	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C512	DH_HK6_HL
1188	GS59001	Tin học đại cương	D18_TP03	1	Tư	25/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
1200	GS59001	Tin học đại cương	D17_TP04	1	Tư	25/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
1208	GS59001	Tin học đại cương	D16_TP03	1	Tư	25/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
1262	FT09007	Kỹ thuật thực phẩm 1	D19_TP01	29	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C804	DH_HK4_L1
1263	FT09007	Kỹ thuật thực phẩm 1	D19_TP02	23	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C805	DH_HK4_L1
1264	FT09007	Kỹ thuật thực phẩm 1	D18_TP01	2	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C805	DH_HK4_HL
1265	FT09007	Kỹ thuật thực phẩm 1	D18_TP03	1	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C805	DH_HK4_HL
1266	FT09007	Kỹ thuật thực phẩm 1	D17_TP03	2	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C805	DH_HK4_HL
1267	FT09007	Kỹ thuật thực phẩm 1	D17_TP04	1	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C805	DH_HK4_HL
1268	FT09007	Kỹ thuật thực phẩm 1	D16_TP04	1	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C805	DH_HK4_HL
1269	FT09007	Kỹ thuật thực phẩm 1	D16_TP05	1	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C805	DH_HK4_HL
1270	FT09007	Kỹ thuật thực phẩm 1	D16_TP06	2	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C805	DH_HK4_HL
1271	FT09007	Kỹ thuật thực phẩm 1	D15_TP02	1	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C805	DH_HK4_HL
1313	FT03002	Quản trị sản xuất/Quản lý doanh nghiệp	D18_TP01	23	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C801	DH_HK6_L1
1314	FT03002	Quản trị sản xuất/Quản lý doanh nghiệp	D18_TP02	23	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C801	DH_HK6_L1
1315	FT03002	Quản trị sản xuất/Quản lý doanh nghiệp	D18_TP03	25	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C803	DH_HK6_L1
1316	FT03002	Quản trị sản xuất/Quản lý doanh nghiệp	D18_TP04	22	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C803	DH_HK6_L1
1317	FT03002	Quản trị sản xuất/Quản lý doanh nghiệp	D17_TP01	8	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1318	FT03002	Quản trị sản xuất/Quản lý doanh nghiệp	D17_TP02	9	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1319	FT03002	Quản trị sản xuất/Quản lý doanh nghiệp	D17_TP03	2	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1320	FT03002	Quản trị sản xuất/Quản lý doanh nghiệp	D17_TP04	2	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1321	FT03002	Quản trị sản xuất/Quản lý doanh nghiệp	D16_TP04	1	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1322	FT03002	Quản trị sản xuất/Quản lý doanh nghiệp	D16_TP06	1	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1408	GS43002	Vật lý 2	D18_TP01	4	Sáu	27/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
1409	GS43002	Vật lý 2	D18_TP02	1	Sáu	27/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
1410	GS43002	Vật lý 2	D18_TP03	4	Sáu	27/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
1411	GS43002	Vật lý 2	D18_TP04	3	Sáu	27/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
1414	GS43002	Vật lý 2	D17_TP02	2	Sáu	27/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
1415	GS43002	Vật lý 2	D17_TP03	3	Sáu	27/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
1416	GS43002	Vật lý 2	D17_TP04	3	Sáu	27/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
1421	GS43002	Vật lý 2	D16_TP02	2	Sáu	27/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
1422	GS43002	Vật lý 2	D16_TP03	1	Sáu	27/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
1423	GS43002	Vật lý 2	D16_TP04	1	Sáu	27/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
1424	GS43002	Vật lý 2	D16_TP05	1	Sáu	27/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
1429	GS43002	Vật lý 2	D15_TP02	1	Sáu	27/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
1430	GS43002	Vật lý 2	D15_TP05	1	Sáu	27/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK2_HL
1432	GS43002	Vật lý 2	C16_TP01	1	Sáu	27/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK2_HL
1543	FT09008	Phân tích thực phẩm	D19_TP01	29	Bảy	28/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK4_L1
1544	FT09008	Phân tích thực phẩm	D19_TP02	23	Bảy	28/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_L1
1545	FT09008	Phân tích thực phẩm	D18_TP04	2	Bảy	28/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_HL
1546	FT09008	Phân tích thực phẩm	D17_TP01	1	Bảy	28/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_HL
1547	FT09008	Phân tích thực phẩm	D17_TP02	6	Bảy	28/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_HL
1548	FT09008	Phân tích thực phẩm	D17_TP03	1	Bảy	28/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_HL
1549	FT09008	Phân tích thực phẩm	D17_TP04	2	Bảy	28/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_HL
1550	FT09008	Phân tích thực phẩm	D16_TP01	1	Bảy	28/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_HL
1551	FT09008	Phân tích thực phẩm	D16_TP02	1	Bảy	28/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_HL
1552	FT09008	Phân tích thực phẩm	D16_TP03	2	Bảy	28/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_HL
1553	FT09008	Phân tích thực phẩm	D16_TP04	3	Bảy	28/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK4_HL
1554	FT09008	Phân tích thực phẩm	D16_TP05	5	Bảy	28/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK4_HL
1555	FT09008	Phân tích thực phẩm	D16_TP06	2	Bảy	28/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK4_HL
1613	FT03017	Thiết kế công nghệ và nhà máy thực phẩm	D18_TP01	23	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C806	DH_HK6_L1
1614	FT03017	Thiết kế công nghệ và nhà máy thực phẩm	D18_TP02	23	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C806	DH_HK6_L1
1615	FT03017	Thiết kế công nghệ và nhà máy thực phẩm	D18_TP03	25	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C808	DH_HK6_L1
1616	FT03017	Thiết kế công nghệ và nhà máy thực phẩm	D18_TP04	22	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C808	DH_HK6_L1
1617	FT03017	Thiết kế công nghệ và nhà máy thực phẩm	L20_TP01	1	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C806	DH_HK6_L1
1618	FT03017	Thiết kế công nghệ và nhà máy thực phẩm	D17_TP01	1	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C808	DH_HK6_HL
1619	FT03017	Thiết kế công nghệ và nhà máy thực phẩm	D17_TP04	1	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C808	DH_HK6_HL
1620	FT03017	Thiết kế công nghệ và nhà máy thực phẩm	D16_TP05	2	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C808	DH_HK6_HL
1621	FT03017	Thiết kế công nghệ và nhà máy thực phẩm	D16_TP06	3	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C806	DH_HK6_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
1694	FT03005	Vi sinh đại cương	D20_TP01	20	Hai	30/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_L1
1695	FT03005	Vi sinh đại cương	D20_TP02	27	Hai	30/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK2_L1
1696	FT03005	Vi sinh đại cương	D19_TP01	1	Hai	30/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK2_HL
1697	FT03005	Vi sinh đại cương	D19_TP02	1	Hai	30/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK2_HL
1698	FT03005	Vi sinh đại cương	D18_TP01	11	Hai	30/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK2_HL
1699	FT03005	Vi sinh đại cương	D18_TP02	8	Hai	30/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK2_HL
1700	FT03005	Vi sinh đại cương	D17_TP01	1	Hai	30/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK2_HL
1701	FT03005	Vi sinh đại cương	D17_TP02	10	Hai	30/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK2_HL
1702	FT03005	Vi sinh đại cương	D17_TP03	1	Hai	30/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK2_HL
1703	FT03005	Vi sinh đại cương	D16_TP01	1	Hai	30/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK2_HL
1704	FT03005	Vi sinh đại cương	D16_TP04	2	Hai	30/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK2_HL
1705	FT03005	Vi sinh đại cương	D16_TP05	3	Hai	30/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK2_HL
1706	FT03005	Vi sinh đại cương	D16_TP06	2	Hai	30/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK2_HL
1862	FT09020	Tiếng Anh chuyên ngành 2	D18_TP01	23	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C801	DH_HK6_L1
1863	FT09020	Tiếng Anh chuyên ngành 2	D18_TP02	23	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C801	DH_HK6_L1
1864	FT09020	Tiếng Anh chuyên ngành 2	D18_TP03	25	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C803	DH_HK6_L1
1865	FT09020	Tiếng Anh chuyên ngành 2	D18_TP04	22	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C803	DH_HK6_L1
1866	FT09020	Tiếng Anh chuyên ngành 2	D17_TP01	6	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1867	FT09020	Tiếng Anh chuyên ngành 2	D17_TP02	1	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1868	FT09020	Tiếng Anh chuyên ngành 2	D17_TP03	1	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1869	FT09020	Tiếng Anh chuyên ngành 2	D17_TP04	7	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1870	FT09020	Tiếng Anh chuyên ngành 2	D16_TP01	1	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1871	FT09020	Tiếng Anh chuyên ngành 2	D16_TP02	1	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1872	FT09020	Tiếng Anh chuyên ngành 2	D16_TP04	3	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1873	FT09020	Tiếng Anh chuyên ngành 2	D16_TP05	3	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1874	FT09020	Tiếng Anh chuyên ngành 2	D16_TP06	4	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1875	FT09020	Tiếng Anh chuyên ngành 2	D15_TP03	1	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C804	DH_HK6_HL
1980	AA19001	Vẽ kỹ thuật	D20_TP01	20	Tư	01/09/2021	09 giờ 30	C301	DH_HK2_L1
1981	AA19001	Vẽ kỹ thuật	D20_TP02	27	Tư	01/09/2021	09 giờ 30	C308	DH_HK2_L1
1982	AA19001	Vẽ kỹ thuật	D19_TP01	2	Tư	01/09/2021	09 giờ 30	C301	DH_HK2_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
1983	AA19001	Vẽ kỹ thuật	D19_TP02	1	Tư	01/09/2021	09 giờ 30	C301	DH_HK2_HL
1984	AA19001	Vẽ kỹ thuật	D18_TP01	1	Tư	01/09/2021	09 giờ 30	C301	DH_HK2_HL
1985	AA19001	Vẽ kỹ thuật	D18_TP04	1	Tư	01/09/2021	09 giờ 30	C301	DH_HK2_HL
1986	AA19001	Vẽ kỹ thuật	D17_TP02	2	Tư	01/09/2021	09 giờ 30	C301	DH_HK2_HL
1987	AA19001	Vẽ kỹ thuật	D17_TP03	1	Tư	01/09/2021	09 giờ 30	C301	DH_HK2_HL
1988	AA19001	Vẽ kỹ thuật	D17_TP04	2	Tư	01/09/2021	09 giờ 30	C301	DH_HK2_HL
1989	AA19001	Vẽ kỹ thuật	D16_TP01	1	Tư	01/09/2021	09 giờ 30	C301	DH_HK2_HL
1990	AA19001	Vẽ kỹ thuật	D16_TP02	2	Tư	01/09/2021	09 giờ 30	C301	DH_HK2_HL
1991	AA19001	Vẽ kỹ thuật	D16_TP03	1	Tư	01/09/2021	09 giờ 30	C301	DH_HK2_HL
2207	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D17_TP01	13	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C703	DH_HK8_L1
2208	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D17_TP02	25	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C704	DH_HK8_L1
2209	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D17_TP03	24	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C704	DH_HK8_L1
2210	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D17_TP04	31	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C514	DH_HK8_L1
2221	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D16_TP01	1	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C705	DH_HK8_HL
2226	FT03157	TT_BTTN 2 (Tiền bộ trong CN lên men và enzyme)	D17_TP01	4	Bảy	04/09/2021	08 giờ 00	C701	DH_HK8_L1
2227	FT03157	TT_BTTN 2 (Tiền bộ trong CN lên men và enzyme)	D17_TP02	12	Bảy	04/09/2021	08 giờ 00	C701	DH_HK8_L1
2228	FT03157	TT_BTTN 2 (Tiền bộ trong CN lên men và enzyme)	D17_TP03	5	Bảy	04/09/2021	08 giờ 00	C701	DH_HK8_L1
2229	FT03157	TT_BTTN 2 (Tiền bộ trong CN lên men và enzyme)	D17_TP04	11	Bảy	04/09/2021	08 giờ 00	C701	DH_HK8_L1
2230	FT03157	TT_BTTN 2 (Tiền bộ trong CN lên men và enzyme)	L19_TP01	1	Bảy	04/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_L1
2231	FT03157	TT_BTTN 2 (Tiền bộ trong CN lên men và enzyme)	D16_TP01	2	Bảy	04/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2232	FT03157	TT_BTTN 2 (Tiền bộ trong CN lên men và enzyme)	D16_TP02	2	Bảy	04/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2233	FT03157	TT_BTTN 2 (Tiền bộ trong CN lên men và enzyme)	D16_TP03	2	Bảy	04/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2234	FT03157	TT_BTTN 2 (Tiền bộ trong CN lên men và enzyme)	D16_TP04	7	Bảy	04/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2235	FT03157	TT_BTTN 2 (Tiền bộ trong CN lên men và enzyme)	D16_TP05	2	Bảy	04/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2236	FT03157	TT_BTTN 2 (Tiền bộ trong CN lên men và enzyme)	D16_TP06	5	Bảy	04/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2237	FT03157	TT_BTTN 2 (Tiền bộ trong CN lên men và enzyme)	C17_TP01	2	Bảy	04/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2059	FT03156	TT_BTTN 1 (Tiền bộ trong CNTP)	D17_TP01	4	Chủ nhật	05/09/2021	08 giờ 00	C701	DH_HK8_L1
2060	FT03156	TT_BTTN 1 (Tiền bộ trong CNTP)	D17_TP02	12	Chủ nhật	05/09/2021	08 giờ 00	C701	DH_HK8_L1
2061	FT03156	TT_BTTN 1 (Tiền bộ trong CNTP)	D17_TP03	5	Chủ nhật	05/09/2021	08 giờ 00	C701	DH_HK8_L1
2062	FT03156	TT_BTTN 1 (Tiền bộ trong CNTP)	D17_TP04	11	Chủ nhật	05/09/2021	08 giờ 00	C701	DH_HK8_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
2063	FT03156	TT_BTTN 1 (Tiền bộ trong CNTP)	L19_TP01	1	Chủ nhật	05/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_L1
2064	FT03156	TT_BTTN 1 (Tiền bộ trong CNTP)	D16_TP01	4	Chủ nhật	05/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2065	FT03156	TT_BTTN 1 (Tiền bộ trong CNTP)	D16_TP02	2	Chủ nhật	05/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2066	FT03156	TT_BTTN 1 (Tiền bộ trong CNTP)	D16_TP03	2	Chủ nhật	05/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2067	FT03156	TT_BTTN 1 (Tiền bộ trong CNTP)	D16_TP04	6	Chủ nhật	05/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2068	FT03156	TT_BTTN 1 (Tiền bộ trong CNTP)	D16_TP05	2	Chủ nhật	05/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2069	FT03156	TT_BTTN 1 (Tiền bộ trong CNTP)	D16_TP06	7	Chủ nhật	05/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2070	FT03156	TT_BTTN 1 (Tiền bộ trong CNTP)	D15_TP05	1	Chủ nhật	05/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2071	FT03156	TT_BTTN 1 (Tiền bộ trong CNTP)	C17_TP01	2	Chủ nhật	05/09/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2308	BA43018	Chuyên đề Khởi nghiệp	D16_TP02	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_HL
2309	BA43018	Chuyên đề Khởi nghiệp	D16_TP04	5	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_HL
2310	BA43018	Chuyên đề Khởi nghiệp	D16_TP06	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_HL
2311	BA43018	Chuyên đề Khởi nghiệp	D15_TP02	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_HL
2313	TPCHCN01	Đồ án 3 : Thành phẩm	D17_TP04	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_NKH_HL
2314	TPCHCN01	Đồ án 3 : Thành phẩm	D16_TP04	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_NKH_HL
2315	TPCHCN01	Đồ án 3 : Thành phẩm	D16_TP06	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_NKH_HL
2341	FT09024	Đồ án CNTP 2: Quy trình sản xuất	D18_TP01	23	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2342	FT09024	Đồ án CNTP 2: Quy trình sản xuất	D18_TP02	23	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2343	FT09024	Đồ án CNTP 2: Quy trình sản xuất	D18_TP03	25	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2344	FT09024	Đồ án CNTP 2: Quy trình sản xuất	D18_TP04	22	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2345	FT09024	Đồ án CNTP 2: Quy trình sản xuất	D17_TP04	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2346	FT09024	Đồ án CNTP 2: Quy trình sản xuất	D16_TP02	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2347	FT09024	Đồ án CNTP 2: Quy trình sản xuất	D16_TP04	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2348	FT09024	Đồ án CNTP 2: Quy trình sản xuất	D16_TP05	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2434	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D20_TP01	20	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2435	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D20_TP02	27	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2445	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D18_TP04	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2471	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D20_TP01	20	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2472	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D20_TP02	27	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2481	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D19_TP02	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
2485	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D18_TP04	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2511	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	D16_TP03	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2813	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D18_TP01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2932	FT09022	Thực hành Công nghệ bao gói	D18_TP01	22	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2933	FT09022	Thực hành Công nghệ bao gói	D18_TP02	23	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2934	FT09022	Thực hành Công nghệ bao gói	D18_TP03	25	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2935	FT09022	Thực hành Công nghệ bao gói	D18_TP04	22	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2936	FT09022	Thực hành Công nghệ bao gói	D16_TP01	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2939	FT03012	Thực hành Công nghệ sinh học thực phẩm	D18_TP01	23	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2940	FT03012	Thực hành Công nghệ sinh học thực phẩm	D18_TP02	23	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2941	FT03012	Thực hành Công nghệ sinh học thực phẩm	D18_TP03	25	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2942	FT03012	Thực hành Công nghệ sinh học thực phẩm	D18_TP04	22	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2943	FT03012	Thực hành Công nghệ sinh học thực phẩm	L20_TP01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2944	FT03012	Thực hành Công nghệ sinh học thực phẩm	D17_TP01	9	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2945	FT03012	Thực hành Công nghệ sinh học thực phẩm	D17_TP02	5	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2946	FT03012	Thực hành Công nghệ sinh học thực phẩm	D17_TP03	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2947	FT03012	Thực hành Công nghệ sinh học thực phẩm	D17_TP04	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2948	FT03012	Thực hành Công nghệ sinh học thực phẩm	D16_TP01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2949	FT03012	Thực hành Công nghệ sinh học thực phẩm	D16_TP06	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2950	FT09015	Thực hành Đánh giá cảm quan	D18_TP01	23	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2951	FT09015	Thực hành Đánh giá cảm quan	D18_TP02	23	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2952	FT09015	Thực hành Đánh giá cảm quan	D18_TP03	25	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2953	FT09015	Thực hành Đánh giá cảm quan	D18_TP04	22	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2954	FT09015	Thực hành Đánh giá cảm quan	D16_TP01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2955	FT09015	Thực hành Đánh giá cảm quan	D16_TP02	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2956	FT09015	Thực hành Đánh giá cảm quan	D16_TP06	3	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3004	GS69002	Thực hành Hóa đại cương	D20_TP01	20	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
3005	GS69002	Thực hành Hóa đại cương	D20_TP02	27	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
3006	GS69002	Thực hành Hóa đại cương	D19_TP02	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3007	GS69002	Thực hành Hóa đại cương	D16_TP03	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
3008	GS69002	Thực hành Hóa đại cương	D16_TP05	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3009	GS69002	Thực hành Hóa đại cương	D16_TP06	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3010	FT09009	Thực hành Kỹ thuật thực phẩm 1	D19_TP01	29	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_L1
3011	FT09009	Thực hành Kỹ thuật thực phẩm 1	D19_TP02	23	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_L1
3012	FT09009	Thực hành Kỹ thuật thực phẩm 1	D17_TP02	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_HL
3013	FT09009	Thực hành Kỹ thuật thực phẩm 1	D16_TP05	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_HL
3133	FT09010	Thực hành Phân tích thực phẩm	D19_TP01	29	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_L1
3134	FT09010	Thực hành Phân tích thực phẩm	D19_TP02	23	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_L1
3135	FT09010	Thực hành Phân tích thực phẩm	D16_TP05	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_HL
3162	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	D16_TP06	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3167	FT03003	Thực hành Vi sinh đại cương	D20_TP01	20	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
3168	FT03003	Thực hành Vi sinh đại cương	D20_TP02	27	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
3169	FT03003	Thực hành Vi sinh đại cương	D19_TP01	5	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3170	FT03003	Thực hành Vi sinh đại cương	D18_TP03	4	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3171	FT03003	Thực hành Vi sinh đại cương	D17_TP01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3172	FT03003	Thực hành Vi sinh đại cương	D17_TP02	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3173	FT03003	Thực hành Vi sinh đại cương	D16_TP06	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3217	FT03151	Thực tập tốt nghiệp	D17_TP01	7	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3218	FT03151	Thực tập tốt nghiệp	D17_TP02	21	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3219	FT03151	Thực tập tốt nghiệp	D17_TP03	18	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3220	FT03151	Thực tập tốt nghiệp	D17_TP04	29	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3251	FT03151	Thực tập tốt nghiệp	D16_TP01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_HL
3252	FT03151	Thực tập tốt nghiệp	D16_TP04	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_HL
3253	FT03151	Thực tập tốt nghiệp	D16_TP06	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_HL
3277	TPCHCN02	Tin học chuyên ngành	D16_TP02	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_NKH_HL
3278	TPCHCN02	Tin học chuyên ngành	D16_TP04	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_NKH_HL
3279	TPCHCN02	Tin học chuyên ngành	D16_TP05	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_NKH_HL
3280	TPCHCN02	Tin học chuyên ngành	D16_TP06	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_NKH_HL
3288	FT03158	TT_BTTN 3 (TH các kỹ thuật hiện đại CNCB và CNSH thực phẩm)	D17_TP01	3	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3289	FT03158	TT_BTTN 3 (TH các kỹ thuật hiện đại CNCB và CNSH thực phẩm)	D17_TP02	12	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
3290	FT03158	TT_BTTN 3 (TH các kỹ thuật hiện đại CNCB và CNSH thực phẩm)	D17_TP03	4		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_L1	
3291	FT03158	TT_BTTN 3 (TH các kỹ thuật hiện đại CNCB và CNSH thực phẩm)	D17_TP04	11		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_L1	
3292	FT03158	TT_BTTN 3 (TH các kỹ thuật hiện đại CNCB và CNSH thực phẩm)	L19_TP01	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_L1	
3293	FT03158	TT_BTTN 3 (TH các kỹ thuật hiện đại CNCB và CNSH thực phẩm)	D16_TP01	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_HL	
3294	FT03158	TT_BTTN 3 (TH các kỹ thuật hiện đại CNCB và CNSH thực phẩm)	D16_TP02	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_HL	
3295	FT03158	TT_BTTN 3 (TH các kỹ thuật hiện đại CNCB và CNSH thực phẩm)	D16_TP03	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_HL	
3296	FT03158	TT_BTTN 3 (TH các kỹ thuật hiện đại CNCB và CNSH thực phẩm)	D16_TP04	6		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_HL	
3297	FT03158	TT_BTTN 3 (TH các kỹ thuật hiện đại CNCB và CNSH thực phẩm)	D16_TP05	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_HL	
3298	FT03158	TT_BTTN 3 (TH các kỹ thuật hiện đại CNCB và CNSH thực phẩm)	D16_TP06	5		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_HL	
3299	FT03158	TT_BTTN 3 (TH các kỹ thuật hiện đại CNCB và CNSH thực phẩm)	D15_TP02	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_HL	
3300	FT03158	TT_BTTN 3 (TH các kỹ thuật hiện đại CNCB và CNSH thực phẩm)	C17_TP01	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_HL	